

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ D  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/KDTM-ST

Ngày 17-9-2020

V/v tranh chấp bồi hoàn tiền  
bảo hiểm

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Kiều Thị Uyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Nguyễn Văn Minh.**

**2. Bà Châu Hồng Nga.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2020/TLST-KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **10/2020/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2020**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng Công ty Cổ phần BM; Địa chỉ: Số 26 Tôn Thất Đạm, phường Nh, Quận 1, Thành phố H;

Những Người đại diện hợp pháp gồm:

1. Anh Phan Minh A, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 26 Tôn Thất Đạm, phường Nh, Quận 1, Thành phố H là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 1974/2020-BM/VP ngày 25/8/2020. Vắng mặt

2. Chị Nguyễn Thị Hà G, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 217, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, Thành phố H là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 1974/2020-BM/VP ngày 25/8/2020. Có mặt

3. Chị Đinh Thị Như Y, sinh năm **1993**; địa chỉ: Số 26 Tôn Thất Đạm, phường Nh, Quận 1, Thành phố H là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 2149/2020-BM/VP ngày 14/9/2020. Vắng mặt

- Bị đơn: Công ty TNHH thương mại dịch vụ A; Địa chỉ: Số 29, đường D16, KDC Dịch vụ Tân Bình, khu phố T, phường T1, thành phố D, tỉnh B;

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn A, sinh năm 1975 – Chức vụ chủ tịch công ty kiêm giám đốc. Địa chỉ: Số 29, đường D16, KDC Dịch vụ Tân Bình, khu phố T, phường T1, thành phố D, tỉnh B là đại diện theo pháp luật. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần kho vận M; Địa chỉ: Số 1B, đường Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố H. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Anh Ngô Ngọc A, sinh năm 1970; địa chỉ liên lạc: Số 1B, đường Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố H là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25/02/2020. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

2. Công ty TNHH MTV vận tải Đ; Địa chỉ: Số 75, đường số 6, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1965 – Chức vụ chủ tịch công ty kiêm giám đốc. Địa chỉ: Số 75, đường số 6, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố D, tỉnh B là đại diện theo pháp luật. Vắng mặt

3. Công ty giám định P; Địa chỉ: Số 2.5 – 2.6 – 2.7 – 2.8 Phan Xích Long, Phường 3, quận B1, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Anh Phan Thanh H, sinh năm 1985; địa chỉ liên lạc: 2.5 – 2.8, Phan Xích Long, Phường 3, Quận B1, Thành phố H là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2020. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

4. Công ty TNHH Thương mại T1; Địa chỉ: Số 319 – D6 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Quang H1 - Giám đốc. Địa chỉ: Số 319 – D6 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố H là đại diện theo pháp luật. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2020, quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn gồm Anh Phan Minh A, chị Nguyễn Thị Hà G và chị Đinh Thị Như Y thống nhất trình bày:

Ngày 23/10/2018, Công ty CP Kho vận M (viết tắt là S) và Công ty TNHH Thương mại T1 (viết tắt là T1) cùng ký Hợp đồng dịch vụ bốc xếp số 480/2018/HĐBX/STG-TU. Theo đó, S cung cấp cho T1 dịch vụ: *Quản lý kho, xếp dỡ hàng hóa, đóng rút hàng vào/ra container...* Hiệu lực hợp đồng từ ngày 23/10/2018 đến ngày 31/12/2019.

Ngày 15/01/2018, giữa S và Công ty TNHH thương mại dịch vụ A (viết tắt là A) đã cùng ký Hợp đồng bốc xếp số 03/BXA/2018. Theo đó, S giao A làm dịch vụ bốc dỡ hàng hóa cho S như sau: *Địa điểm: Kho khu vực Đồng Nai. Thời gian áp dụng: từ ngày 20/01/2018 đến ngày 31/12/2018. Nếu xảy ra hư hỏng, mất mát trong suốt quá trình xếp dỡ hàng do lỗi của Bên A (A), thì Bên A (A) phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B (S) theo giá trị thị trường tại thời điểm giao hàng.*

Ngày 31/10/2018, Tổng Công ty Cổ phần BM (viết tắt là BM) cấp bảo hiểm cho S theo Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm trách nhiệm vận chuyển tổng hợp số AD0057/18PA08000 và Đơn Bảo hiểm trách nhiệm vận chuyển tổng hợp số AD0026/18EE08000, thời hạn bảo hiểm: 01/11/2018 – 01/11/2019.

Vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 16/11/2018, trong quá trình xếp dỡ hàng từ Container hàng số OOLU 9527983 – số Seal FKF 2777, kiện hàng mang mã hiệu BB-7 có khối lượng 3250 kg thì sự cố xảy ra làm cho cầu bị sập gây thiệt hại cho kiện hàng thang cuốn

số BB-7 đơn vị thực hiện xếp dỡ hàng là Công ty TNHH MTV vận tải Đ (sau đây viết tắt là Đ), đây là Công ty ký hợp đồng bốc xếp với A. Ngay sau khi có sự cố xảy ra, S đã cùng với T1, A và nhân viên lái xe của Đ lập biên bản ghi nhận hiện trường, có chữ ký của các bên. Đồng thời, S thông báo về sự cố cho BM. BM cùng với đơn vị giám định là Công ty giám định P (viết tắt là Nori) xuống hiện trường, Nori đã tiến hành giám định và kết luận theo Báo cáo giám định số 18310926/HCM-FR ngày 29/3/2019, có kết luận như sau: Gãy cần trục bánh lốp, làm kiện hàng rơi, va đập, gây tổn thất cho kiện hàng thang cuốn và tổn thất được xem là tổn thất toàn bộ (đối với kiện hàng BB-7), theo báo giá của nhà máy sản xuất thì giá trị lô hàng BB-7 (Thang cuốn) này là 71.330 USD, tương đương 1.651.650.000 đồng (theo tỷ giá 23.155 đồng/USD ngày 18/01/2019 của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam); chi phí làm thủ tục nhận hàng và đưa về kho là 19.950.000 đồng. Do đó, tổng chi phí khắc phục thiệt hại hàng hóa là: 1.671.600.000 đồng.

Sau khi có kết luận giám định, S đã gửi kết luận giám định và những chứng từ có liên quan đến tổn thất và yêu cầu bồi thường của T1 cho A. Giữa A và S đã có biên bản họp ngày 09/4/2019, các bên thống nhất kết quả giám định thiệt hại và A cam kết sẽ trả lại số tiền mà S đã bồi thường cho T1.

Thiệt hại thực tế là 71.330 USD nhưng các bên thống nhất bồi thường là 500.000.000 đồng, thể hiện qua Công văn số 09052019/TU-KVMN ngày 09/5/2019 của T1. Theo hợp đồng bảo hiểm số ADF 0057/18/PA08000 ngày 31/01/2018 và đơn bảo hiểm số 0026/18/EE08000 ngày 31/10/2018 mà S đã ký với BM thì mức bồi thường thiệt hại đối với trách nhiệm xếp dỡ tại kho là 20.000 USD/1 khiếu nại và 1 năm, mức khấu trừ là 2.500 USD vì vậy mức bồi thường tối đa cho S với số tiền là 17.500 USD tương đương 408.712.500 đồng (1USD = 23.355 đồng).

S đã bồi thường cho T1 tổn thất cho toàn bộ là 500.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 17/7/2019. BM đã bồi thường bảo hiểm toàn bộ cho S với số tiền 408.712.500 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 30/7/2019.

Sau khi bồi thường tổn thất cho T1, S đã nhiều lần có công văn và liên lạc qua điện thoại với người đại diện theo pháp luật của A về việc yêu cầu hoàn trả số tiền 500.000.000 đồng đã bồi thường cho T1 nhưng A không có phản hồi.

Ngày 11/07/2019, S đã ký Giấy biên nhận và thể nhiệm số 188-2/CV-KVMN “*chuyển cho BM toàn bộ quyền yêu cầu Công ty TNHH thương mại dịch vụ A bồi thường thiệt hại trong vụ tổn thất ngày 16/11/2018*” vì vậy BM có quyền đòi số tiền 408.712.500 đồng của A.

Sau khi nhận thể quyền của S, BM đã nhiều lần gửi văn bản cho A để yêu cầu thực hiện trách nhiệm trả tiền như Văn bản số 1437/2019-BM/HH ngày 09/08/2019, 1631/2019-BM/HH ngày 05/09/2019, 1867/2019-BM/HH ngày 03/10/2019 và làm việc trực tiếp với Công ty A để yêu cầu Công ty A bồi hoàn cho BM nhưng A không thực hiện, không có bất cứ phản hồi nào khác.

Nay, BM khởi kiện buộc Công ty TNHH thương mại dịch vụ A: Bồi hoàn cho BM số tiền **408.712.500 đồng** (Bốn trăm lẻ tám triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng); Thanh toán cho BM tiền lãi chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 (10%/năm) trên số tiền 408.712.500 đồng, tạm tính từ ngày 10/08/2019 đến ngày 17/09/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 408.712.500 đồng x (10%/năm/365ngày) x (404 ngày) = **45.238.314 đồng** (Bốn mươi lăm triệu hai trăm ba

mười tám nghìn ba trăm mười bốn đồng). Số tiền lãi này sẽ được tiếp tục tính cho đến thời điểm A hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho BM theo quy định pháp luật

*- Bị đơn Công ty TNHH thương mại dịch vụ A:*

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để lấy lời khai, hòa giải, tiếp cận chứng cứ cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ A nhưng Công ty TNHH thương mại dịch vụ A không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp chứng cứ và không nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

*- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty CP Kho vận M là anh Ngô Ngọc A có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt nhưng quá trình tố tụng trình bày:*

Thông nhất toàn bộ lời khai của BM về việc ký kết hợp đồng bảo hiểm giữa BM với S, việc ký kết hợp đồng bốc xếp giữa S với A và sự kiện xảy ra vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 16/11/2018 tại kho S Đồng Nai - Cụm công nghiệp dúc 47, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của BM về việc buộc Công ty TNHH thương mại dịch vụ A có trách nhiệm thanh toán bồi hoàn cho BM số tiền 408.712.500 đồng và tiền lãi chậm thanh toán..

*- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần giám định Phương Bắc là anh Phan Thanh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng quá trình tố tụng trình bày:*

Công ty Cổ phần giám định Phương Bắc (viết tắt là Nori) là đơn vị được BM đề nghị giám định đối với sự kiện phát sinh vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 16/11/2018 tại kho S Đồng Nai - Cụm công nghiệp dúc 47, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chiều ngày 21/11/2018 tại kho S Đồng Nai, Nori tiến hành giám định đối với tổn thất xảy ra vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 16/11/2018.

Tài sản giám định tổn thất là kiện hàng mã BB-7 lô thang cuốn XW 4276 của T1 đặt tại kho S. Tại hiện trường ghi nhận sự việc kiện hàng mã BB-7 lô thang cuốn XW 4276 bị bóp méo, biến dạng, trong quá trình kiểm tra có chụp ảnh lại toàn bộ tổn thất. Nguyên nhân xảy ra sự cố được ghi nhận tại biên bản hiện trường ngày 16/11/2018 là do xe cầu bị sập, lô hàng bị rơi làm gãy, móp biến dạng. Đối với kiện hàng mã BB-7 bên trong chứa linh kiện của thang cuốn XW 4276 (là một phần của cả thang cuốn) do Công ty Hitachi tại Nhật Bản sản xuất, lô hàng thang cuốn mã số XW4276, gồm 4 kiện hàng, trong đó có 01 lô hàng BB-7 bị biến dạng, linh kiện bên trong bị tổn thất, 03 kiện hàng còn lại trong tình trạng bình thường. Kết quả giám định đối với tổn thất là tổn thất toàn bộ vì các kiện của thang cuốn XW 4276 là đồng bộ. Tại thời điểm giám định, Nori liên hệ với Công ty Hitachi của Việt Nam và được biết rằng tại Việt Nam có 04 đơn vị là đại lý cấp 1 của Hitachi gồm T1, Công ty tự động Hữu Nghị, Công ty Thang máy Hoa Hoa và Công ty thiết bị cơ điện Thành Công, tuy nhiên tại thị trường Việt Nam không có đơn vị sửa chữa được thiết bị này. Toàn bộ kết quả giám định được thể hiện tại Báo cáo giám định số 18310926/HCM-FR ngày 29/3/2019. Nori đã gửi báo cáo giám định cho BM, từ đó đến nay không có bất cứ khiếu nại, thắc mắc gì về kết quả giám định.

Đối với yêu cầu khởi kiện của BM về việc buộc Công ty TNHH thương mại dịch vụ A có trách nhiệm thanh toán bồi hoàn cho BM số tiền 408.712.500 đồng và tiền lãi chậm thanh toán, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Thương mại T1 là ông Nguyễn Quang H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng quá trình tố tụng trình bày:

Thông nhất với lời khai của nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng dịch vụ bốc xếp giữa S và T1 và sự việc xảy ra vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 16/11/2018 tại kho S Đồng Nai - Cụm công nghiệp dốc 47, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Sau khi xảy ra tai nạn, T1 cùng các bên liên quan có mặt, lập biên bản hiện trường ngày 16/11/2018.

Thông nhất với kế luận giám định của Nori về nguyên nhân và mức độ tổn thất nêu trên. Giữa T1 và S thống nhất số tiền phải bồi thường đối với tổn thất của kiện mã BB-7 bên trong chứa linh kiện của thang cuốn XW4276 là 500.000.000 đồng, ngày 17/7/2019 T1 đã nhận được số tiền bồi thường này từ S.

Đối với yêu cầu khởi kiện của BM với A, T1 xác định không phải là đương sự trong vụ án, không có ý kiến đối với việc giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV vận tải Đ:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để lấy lời khai, hòa giải, tiếp cận chứng cứ cho Công ty TNHH MTV vận tải Đ với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng Công ty TNHH MTV vận tải Đ không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp chứng cứ và không nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc giải quyết đảm bảo tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2020 và tại phiên tòa, Tổng Công ty Cổ phần BM khởi kiện Công ty TNHH TM DV A yêu cầu bồi hoàn lại số tiền bảo hiểm mà Tổng Công ty Cổ phần BM đã bồi thường cho Công ty TNHH Thương mại T1 thay cho Công ty Cổ phần kho vận M, không tranh chấp hợp đồng bảo hiểm giữa Tổng Công ty Cổ phần BM và Công ty Cổ phần kho vận M nên đây là quan hệ pháp luật yêu cầu bồi hoàn tiền bảo hiểm được quy định tại Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm; không phải là tranh chấp hợp đồng bảo hiểm đã được xác định trong thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐST - KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2020.

[2] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH thương mại dịch vụ A và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV VT Đ vắng mặt tại phiên tòa hai lần liên tiếp không có lý do. Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần kho vận M, Công ty TNHH Thương mại T1, Công ty cổ phần Giám định Phương Bắc có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Hợp đồng bốc xếp số 03/BXA/2018 ngày 15/01/2018 giữa A và S là hợp đồng vận chuyển tài sản được ký kết bởi những người có thẩm quyền, tự nguyện, nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực, bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện theo quy định tại các Điều 530, 531 và Điều 534 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Mặc dù nhân viên của Đ trong quá trình xếp dỡ hàng hóa để xảy ra sự cố làm cho cầu bị sập gây thiệt hại cho kiện hàng thang cuốn số BB-7 vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 16/11/2018 tại kho S Đồng Nai nhưng tại thời điểm này A là đơn vị có trách nhiệm bốc dỡ hàng cho S theo Hợp đồng bốc xếp 03/BXA/2018 ngày 15/01/2018, A đã có thỏa thuận, giao dịch cho Đ thực hiện việc bốc dỡ để xảy ra thiệt hại đối với hàng hóa bốc xếp. Hợp đồng bốc xếp giữa S với A và thỏa thuận, giao dịch giữa A với Đ là hai hợp đồng, giao dịch độc lập, không liên quan đến nhau. Do đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với S là của A.

[2.3] Giữa A và Đ nếu có tranh chấp về thỏa thuận, giao dịch bốc xếp đối với sự cố vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 16/11/2018 tại kho S Đồng Nai thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.4] Vì vậy tranh chấp hợp đồng bốc xếp số 03/BXA/2018 ngày 15/01/2018 giữa A và S cần được xem xét trên cơ sở quyền và nghĩa vụ của các bên tại thỏa thuận hợp đồng bốc xếp nêu trên. Tại Điều 3 của Hợp đồng, các bên đã thỏa thuận về trách nhiệm của bên A (Công ty A) như sau: *“Nếu xảy ra hư hỏng, mất mát trong suốt quá trình xếp dỡ hàng do lỗi của Bên A, thì Bên A phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B theo giá trị thị trường tại thời điểm giao hàng”* đồng thời tại Biên bản họp ngày 09/4/2019: *“Ông Phạm Văn A – Công ty A: Xác nhận sẽ thực hiện đầy đủ trách nhiệm bồi thường theo giá trị mà phía S thống nhất với Công ty T1”*.

[2.5] Theo Báo cáo giám định số 18310926/HCM-FR ngày 29/3/2019 kết luận *“Nguyên nhân sự cố là do cần trục bánh lốp 61C-270.80 do lái cầu Vi Văn Đức điều khiển cầu hàng tại kho S đã xảy ra hiện tượng gãy cần, làm kiện hàng rơi, va đập và gây nên tổn thất cho kiện hàng thang cuốn. Tổn thất được xem là tổn thất toàn bộ”*, theo báo giá của nhà máy sản xuất thì giá trị lô hàng BB-7 (thang cuốn) là 71.330 USD, tương đương 1.651.650.000 đồng (theo tỷ giá 23.155 đồng/USD ngày 18/01/2019 của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam); chi phí làm thủ tục nhận hàng và đưa về kho là 19.950.000 đồng, tổng chi phí khắc phục thiệt hại hàng hóa là 1.671.600.000 đồng. Tại buổi họp 09/4/2019, ông Phạm Văn A là đại diện theo pháp luật của A xác nhận là đã nhận được Báo cáo giám định số 18310926/HCM-FR ngày 29/3/2019 và chấp nhận kết quả giám định cũng như giá trị tài sản bị thiệt hại. Vì vậy, A là bên nhận vận chuyển phải chịu trách nhiệm bồi thường với hàng hóa bị tổn thất cho S theo giá trị tại thời điểm bốc xếp hàng.

[2.6] Căn cứ vào giá trị của lô hàng bị thiệt hại, sự thỏa thuận của T1 và S và căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm trách nhiệm vận chuyển tổng hợp số AD0057/18PA08000 và Đơn Bảo hiểm trách nhiệm vận chuyển tổng hợp số AD0026/18EE08000 ngày 31/10/2018 giữa BM với S thì S đã được BM bồi thường số tiền 408.712.500 đồng và thế quyền đi khởi kiện A theo Giấy Biên nhận và thế nhiệm số 188-2/CV-KVMN ngày 11/07/2019, S đồng ý *“...chuyển cho BM toàn bộ quyền yêu cầu Công ty TNHH thương mại dịch vụ A bồi thường thiệt hại trong vụ tổn thất ngày 16/11/2018...”*. Vì vậy, BM có quyền khởi kiện bên thứ 3 là A phải hoàn trả số tiền

408.712.500 đồng theo quy định tại Điều 17, 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm và Khoản 2 Điều 365 Bộ luật Dân sự.

[2.7] Trong vụ án này, BM không có yêu cầu gì đối với Đ. Trong toàn bộ quá trình tố tụng A không tham gia tố tụng, không có yêu cầu độc lập đối với Công ty Đ. Giữa BM, A và Đ không có thỏa thuận về việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự bồi thường thiệt hại. Vì vậy cần buộc A phải hoàn trả cho BM số tiền đã thanh toán bảo hiểm cho S là 408.712.500 đồng

[3] Xét yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thấy rằng: Tại Hợp đồng bóc xếp 03/BXA/2018 ngày 15/01/2018 giữa A với S và quá trình thương lượng giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại các bên chỉ thỏa thuận về việc bồi thường khi xảy ra thiệt hại, không thỏa thuận về lãi suất chậm trả nên cần áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự để tính lãi suất chậm trả là phù hợp. Tại Biên bản họp ngày 09/4/2019 giữa A với S, đại diện theo pháp luật của A đã xác định *“Thực hiện đầy đủ trách nhiệm bồi thường theo giá trị mà phía S thống nhất với Công ty T1”* và *“Hình thức và thời hạn Công ty A chi trả mức bồi thường sẽ được thống nhất giữa S và Công ty A”*, đồng thời tại biên bản họp giữa BM, S và A ngày 07/8/2019, đại diện của A xác nhận *“S đã cung cấp và A xác định đã nhận đầy đủ các chứng từ liên quan đến tổn thất lô hàng BB07. S đã thế quyền cho BM giải quyết với A về sự cố này”* và *“A xác định trách nhiệm đối với sự cố này”* vậy nghĩa vụ thanh toán là ngày 07/8/2019 nhưng đến nay A chưa hoàn lại số tiền cho BM và không có bất cứ ý kiến nào về việc gia hạn bồi thường thiệt hại là vi phạm nghĩa vụ hoàn trả tiền từ ngày 08/8/2019, BM yêu cầu A thanh toán cho BM tiền lãi chậm trả từ ngày 10/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (17/9/2020) là 408.712.500 đồng x (10%/năm/365ngày) x (404 ngày) = **45.238.314 đồng** (Bốn mươi lăm triệu hai trăm ba mươi tám nghìn ba trăm mười bốn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. A phải thanh toán cho BM số tiền là: 408.712.500 đồng + 45.238.314 đồng = **453.950.814 đồng**.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D phù hợp với phân tích trên nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 365, 468, 530, 531, 534 và Điều 541 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 17 và Điều 49 Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Cổ phần BM đối với Công ty TNHH thương mại dịch vụ A về việc phải bồi hoàn khoản tiền bảo hiểm mà Tổng Công ty Cổ phần BM đã bồi thường cho Công ty Cổ phần kho vận M và khoản tiền lãi chậm thanh toán.

1.1. Buộc Công ty TNHH thương mại dịch vụ A phải bồi hoàn số tiền 408.712.500 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 45.238.314 đồng, tổng cộng Công ty TNHH thương mại dịch vụ A phải thanh toán cho Tổng Công ty Cổ phần BM là 453.950.814 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1 Công ty TNHH thương mại dịch vụ A phải nộp 22.158.000 đồng (hai mươi hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

2.2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B hoàn trả cho Tổng Công ty Cổ phần BM số tiền 10.524.000 đồng (mười triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040058 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh B.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Tổng Công ty Cổ phần BM được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị đơn Công ty TNHH thương mại dịch vụ A, và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Công ty Cổ phần kho vận M, Công ty TNHH MTV vận tải Đ, Công ty giám định P, Công ty TNHH Thương mại T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố D (1);
- CC THADS thành phố D (1);
- TAND tỉnh B (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)  
Kiều Thị Uyên**